

Số: 2173 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 272/TTr-SCT ngày 14/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2035.

(có Chương trình kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Biên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2173 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2026
của UBND tỉnh Sơn La)*

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH SƠN LA

1. Khái quát về công nghiệp và nhu cầu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tỉnh Sơn La

Sơn La là tỉnh miền núi, địa bàn rộng, khoảng cách xa các trung tâm công nghiệp lớn; chi phí vận chuyển, logistics và tiếp cận dịch vụ kỹ thuật còn cao. Công nghiệp của tỉnh tập trung chủ yếu vào chế biến nông - lâm sản, thực phẩm; sản xuất và cung ứng năng lượng; khai thác, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng và một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác. Đây là những ngành tạo nhu cầu thường xuyên đối với vật liệu, phụ liệu, bao bì, linh kiện, phụ tùng, thiết bị cơ khí, thiết bị điện - tự động hóa và các dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất.

Phần lớn máy móc, linh kiện, phụ tùng thay thế, vật tư kỹ thuật có yêu cầu chất lượng cao hiện vẫn được mua từ ngoài tỉnh. Việc hình thành một số doanh nghiệp cung ứng tại chỗ, trước hết ở những sản phẩm có nhu cầu ổn định, kỹ thuật phù hợp và có khả năng cạnh tranh về chi phí, sẽ góp phần giảm thời gian cung ứng, chi phí vận chuyển và nâng cao tính chủ động của doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn.

2. Thực trạng công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh

Công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh đang ở giai đoạn đầu, số lượng doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ còn ít, quy mô nhỏ; khả năng đáp ứng yêu cầu về sản lượng, độ chính xác, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và giao hàng ổn định còn hạn chế. Một số cơ sở cơ khí, bao bì, điện - điện tử, sửa chữa thiết bị đã có năng lực nhất định nhưng chủ yếu phục vụ thị trường tại chỗ và chưa tham gia sâu vào chuỗi cung ứng.

- Nhóm cơ khí, linh kiện và phụ tùng: có các cơ sở gia công, sửa chữa máy móc, thiết bị nhưng năng lực thiết kế, chế tạo chính xác, kiểm soát chất lượng và sản xuất theo đơn hàng lớn còn hạn chế.

- Nhóm vật liệu, bao bì và phụ liệu phục vụ sản xuất: có nhu cầu lớn từ các cơ sở chế biến nông - lâm sản, thực phẩm nhưng năng lực sản xuất tại chỗ chưa đáp ứng đầy đủ về chủng loại, chất lượng và quy mô.

- Nhóm thiết bị điện, điều khiển và tự động hóa: nhu cầu tăng cùng quá trình hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, phát triển năng lượng và chuyển đổi số; nguồn cung tại địa phương hiện chủ yếu là thương mại, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật.

3. Khó khăn, hạn chế

- Thị trường nội tỉnh có quy mô chưa lớn, nhu cầu phân tán theo ngành và địa bàn; doanh nghiệp khó đầu tư dây chuyền chuyên môn hóa nếu chưa có đơn hàng ổn định.

- Phần lớn doanh nghiệp công nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khả năng tích lũy vốn, đầu tư máy móc, nghiên cứu phát triển, kiểm định - thử nghiệm và xây dựng hệ thống quản lý chất lượng còn hạn chế.

- Nguồn nhân lực kỹ thuật, cơ khí chính xác, tự động hóa, quản trị sản xuất và chuyên gia tư vấn tại chỗ còn thiếu; dịch vụ thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng chủ yếu phải sử dụng ngoài tỉnh.

- Hạ tầng khu, cụm công nghiệp đang tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện; quỹ đất công nghiệp, chi phí đầu tư hạ tầng và giải phóng mặt bằng là yếu tố cần được cân nhắc khi thu hút dự án mới.

4. Cơ hội và yêu cầu đặt ra

Nhu cầu hiện đại hóa các nhà máy chế biến, phát triển hạ tầng năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp chế biến và yêu cầu tăng tính tự chủ của chuỗi cung ứng tạo dư địa cho phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên, Sơn La không có lợi thế để phát triển đồng loạt nhiều ngành công nghiệp hỗ trợ quy mô lớn; vì vậy cần lựa chọn một số nhóm sản phẩm có nhu cầu thực, có doanh nghiệp đầu ra, phù hợp năng lực của doanh nghiệp địa phương và có khả năng liên kết với thị trường ngoài tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ phải bám sát quy định của pháp luật về công nghiệp hỗ trợ, Quy hoạch tỉnh và Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035 của Chính phủ; lấy nhu cầu của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dẫn dắt và khả năng tham gia chuỗi cung ứng làm căn cứ lựa chọn nhiệm vụ hỗ trợ.

- Không phát triển dàn trải. Tập trung nguồn lực vào doanh nghiệp, sản phẩm có khả năng hình thành đơn hàng, có thị trường, có cam kết đối ứng và có khả năng nâng cấp thành nhà cung ứng ổn định.

- Ưu tiên nâng cao năng lực doanh nghiệp hiện có trước khi đặt mục tiêu tăng nhanh số lượng doanh nghiệp mới; kết hợp thu hút đầu tư có chọn lọc với hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

- Việc áp dụng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ của Chương trình đối với dự án, sản phẩm phải bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Định hướng các nhóm sản phẩm, lĩnh vực trọng tâm

a) Cơ khí chế tạo, linh kiện và phụ tùng

Ưu tiên các sản phẩm cơ khí, chi tiết, linh kiện, phụ tùng, kết cấu và thiết bị phụ trợ có nhu cầu thường xuyên trong các dây chuyền chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, khai thác - chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện, năng lượng tái tạo và lưới điện; trước mắt tập trung vào sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật phù hợp với năng lực doanh nghiệp trong tỉnh, có khả năng gia công theo đơn đặt hàng và thay thế nguồn cung từ ngoài tỉnh.

b) Thiết bị điện, điện tử, đo lường và tự động hóa

Khuyến khích doanh nghiệp phát triển, lắp ráp hoặc tích hợp tủ điện, thiết bị điều khiển, cảm biến, hệ thống đo lường, giám sát, giải pháp IoT và các thiết bị phụ trợ phục vụ tự động hóa sản xuất, quản lý năng lượng, kho bảo quản và vận hành công trình công nghiệp; ưu tiên sản phẩm có khả năng tiêu chuẩn hóa, sản xuất lắp lại và mở rộng thị trường ngoài tỉnh.

c) Vật liệu, phụ liệu và bao bì phục vụ công nghiệp chế biến

Khuyến khích phát triển các loại vật liệu, phụ liệu, bao bì, nhãn mác và vật tư đóng gói đáp ứng yêu cầu của cơ sở chế biến nông - lâm sản, thực phẩm và các ngành sản xuất khác trên địa bàn. Đối với các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thì thực hiện hỗ trợ theo chính sách công nghiệp hỗ trợ; đối với sản phẩm chưa thuộc Danh mục thì lồng ghép hỗ trợ thông qua khuyến công, khoa học và công nghệ, xúc tiến thương mại và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp.

d) Thu hút dự án công nghiệp hỗ trợ phù hợp với không gian phát triển công nghiệp

Ưu tiên giới thiệu địa điểm tại Khu công nghiệp Mai Sơn, các cụm công nghiệp đã được thành lập và các khu vực sản xuất công nghiệp phù hợp với Quy hoạch tỉnh, phương án phát triển khu, cụm công nghiệp và khả năng đáp ứng hạ tầng. Không bố trí nguồn kinh phí của Chương trình này để thực hiện riêng công tác giải phóng mặt bằng hoặc đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; các nội dung này thực hiện theo chương trình, dự án và quy định pháp luật tương ứng.

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Từng bước hình thành và nâng cao năng lực đội ngũ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp có tiềm năng trở thành nhà cung ứng trên địa bàn tỉnh; phát triển liên kết giữa doanh nghiệp cung ứng với các cơ sở sản xuất, chế biến trong và ngoài tỉnh; thúc đẩy đổi mới công nghệ, quản trị, tiêu chuẩn chất lượng và chuyển đổi số, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tính chủ động của chuỗi sản xuất công nghiệp Sơn La.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2030:

- Hoàn thành rà soát, xây dựng danh sách và cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp có tiềm năng tham gia chuỗi cung ứng và nhu cầu mua hàng công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất chủ lực trên địa bàn; cập nhật tối thiểu 01 lần/năm.

- Hỗ trợ tối thiểu 08 doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp cận một hoặc nhiều nội dung về quản trị sản xuất, cải tiến năng suất, tiêu chuẩn - chất lượng, chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, thử nghiệm - kiểm định, đào tạo hoặc kết nối thị trường; phần đầu có 3 - 5 doanh nghiệp trở thành nhà cung ứng thường xuyên cho doanh nghiệp sản xuất trong hoặc ngoài tỉnh.

- Hằng năm tổ chức hoặc phối hợp tổ chức ít nhất 01 hoạt động kết nối cung - cầu, xúc tiến đầu tư, kết nối nhà cung ứng hoặc đưa doanh nghiệp tham gia chương trình kết nối công nghiệp hỗ trợ cấp vùng, quốc gia.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 200 lượt cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và người lao động của doanh nghiệp về quản trị sản xuất, chất lượng, kỹ thuật, công nghệ và kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuỗi cung ứng.

- Phần đầu thu hút mới 1 - 2 dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và khả năng đáp ứng hạ tầng của tỉnh.

- 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhu cầu, đủ điều kiện được hướng dẫn tiếp cận thủ tục xác nhận ưu đãi và các chính sách hỗ trợ công nghiệp hỗ trợ theo quy định.

b) Giai đoạn 2031 - 2035:

- Tiếp tục cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu; mở rộng kết nối với cơ sở dữ liệu và mạng lưới doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của Bộ Công Thương và các địa phương.

- Lũy kế hỗ trợ khoảng 20 - 25 doanh nghiệp nâng cao năng lực; phần đầu có 8 - 10 doanh nghiệp tham gia tương đối ổn định vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến trong hoặc ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 300 lượt cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và người lao động của doanh nghiệp về quản trị sản xuất, kỹ năng kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng số và đáp ứng tiêu chuẩn chuỗi cung ứng.

- Phần đầu 70% số doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu áp dụng ít nhất một hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất - chất lượng hoặc giải pháp số phù hợp và duy trì trong hoạt động sản xuất.

- Phần đầu thu hút lũy kế 3 - 5 dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, ít phát thải và có liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh.

IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu và xác định nhu cầu thị trường

- Khảo sát doanh nghiệp công nghiệp, các nhà máy sản xuất, chế biến lớn để xác định nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng, bao bì, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật có khả năng đặt hàng trong tỉnh.

- Rà soát, phân loại doanh nghiệp có năng lực hoặc tiềm năng cung ứng; xây dựng hồ sơ năng lực ngắn gọn của doanh nghiệp và danh mục sản phẩm có khả năng kết nối cung - cầu.

- Cập nhật dữ liệu định kỳ; kết nối, chia sẻ dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ của Bộ Công Thương, bảo đảm không đầu tư trùng lặp hệ thống phần mềm riêng khi chưa thực sự cần thiết.

2. Hỗ trợ kết nối thị trường, phát triển nhà cung ứng và xúc tiến đầu tư

- Tổ chức các hoạt động kết nối trực tiếp giữa doanh nghiệp cung ứng của tỉnh với doanh nghiệp sản xuất, chế biến có nhu cầu mua hàng; ưu tiên hình thức khảo sát nhà máy, kết nối theo đơn hàng và yêu cầu kỹ thuật cụ thể thay cho hội nghị mang tính hình thức.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, chương trình tìm kiếm nhà cung ứng, kết nối công nghiệp hỗ trợ của Bộ Công Thương và các tỉnh, thành phố có ngành công nghiệp phát triển.

- Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư công nghiệp hỗ trợ có chọn lọc, gắn với nhu cầu thực tế của các ngành chế biến, năng lượng, cơ khí và không gian phát triển công nghiệp của tỉnh; ưu tiên nhà đầu tư có công nghệ, khách hàng và phương án tiêu thụ rõ ràng.

3. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, năng suất và chất lượng

- Lựa chọn doanh nghiệp có nhu cầu và cam kết tham gia để tư vấn, đào tạo, áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất - chất lượng, quản trị sản xuất và quản trị chuỗi cung ứng phù hợp với quy mô doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở, thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, đo lường và truy xuất nguồn gốc theo quy định; ưu tiên nội dung trực tiếp phục vụ yêu cầu của khách hàng hoặc đơn hàng cụ thể.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản trị tồn kho, quản lý chất lượng, lập kế hoạch sản xuất và các giải pháp nhà máy thông minh ở mức độ phù hợp, tránh đầu tư dàn trải, khó vận hành.

4. Hỗ trợ đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển và đào tạo nguồn nhân lực

- Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và đơn vị tư vấn có năng lực.

- Định kỳ khảo sát nhu cầu nhân lực, xác định vị trí việc làm để xây dựng, điều chỉnh chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các ngành, nghề kỹ thuật đáp ứng các nhóm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trọng tâm của tỉnh (cơ khí chế tạo, thiết bị điện - tự động hóa, vật liệu - bao bì); tập trung đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng số, an toàn lao động, kỹ năng chuyên môn (quản trị chất lượng, bảo trì, đọc bản vẽ...) gắn với thực hành, thực tập và đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp, phòng thử nghiệm, kiểm định, cơ sở đào tạo và đơn vị tư vấn ngoài tỉnh khi địa phương chưa có đủ năng lực chuyên môn; không đặt mục tiêu đầu tư mới cơ sở kỹ thuật quy mô lớn trong giai đoạn đầu nếu chưa có đủ nhu cầu sử dụng.

5. Hướng dẫn tiếp cận chính sách, ưu đãi và hỗ trợ doanh nghiệp

- Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp xác định sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; hướng dẫn hồ sơ xác nhận ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và phối hợp thực hiện hậu kiểm theo quy định.

- Hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chính sách về thuế, đất đai, khoa học và công nghệ, khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, xúc tiến thương mại, đào tạo và các chương trình khác theo đúng điều kiện và thẩm quyền.

- Rà soát, đề xuất tháo gỡ khó khăn về thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và tiếp cận hạ tầng đối với dự án công nghiệp hỗ trợ theo nguyên tắc một đầu mối phối hợp, không đặt ra thủ tục hoặc cơ chế ưu đãi trái quy định pháp luật.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Ngân sách trung ương hỗ trợ thông qua Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và các chương trình, nhiệm vụ có liên quan theo quy định.

- Ngân sách địa phương: căn cứ nhiệm vụ, khả năng cân đối ngân sách và kế hoạch hằng năm, bố trí từ nguồn chi thường xuyên, chi đầu tư công và các nguồn ngân sách hợp pháp khác theo quy định; việc lập, phân bổ và sử dụng kinh phí thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và quy định có liên quan.

- Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình khoa học và công nghệ, khuyến công, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đào tạo nguồn nhân lực và các chương trình phù hợp khác.

- Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp; nguồn tài trợ, đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Nguyên tắc bố trí và sử dụng kinh phí

Kinh phí được xây dựng theo kế hoạch hằng năm, căn cứ nhiệm vụ thực tế, số lượng doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia và khả năng cân đối ngân sách; ưu tiên hoạt động tạo kết quả trực tiếp cho doanh nghiệp và có khả năng đo lường. Không bố trí kinh phí của Chương trình để thực hiện trùng lặp nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ từ chương trình khác; không sử dụng kinh phí Chương trình để hỗ trợ đại trà hoặc đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp không thuộc nội dung, đối tượng hỗ trợ theo quy định.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tập trung nguồn lực, lựa chọn đúng đối tượng hỗ trợ

Hằng năm lựa chọn số lượng doanh nghiệp phù hợp để hỗ trợ chuyên sâu trên cơ sở nhu cầu thị trường, khả năng sản xuất, mức độ sẵn sàng, cam kết đổi mới và khả năng duy trì kết quả sau hỗ trợ. Ưu tiên doanh nghiệp có đơn hàng hoặc có cơ hội kết nối cụ thể với khách hàng.

2. Tăng cường liên kết vùng và sử dụng nguồn lực bên ngoài tỉnh

Chủ động kết nối với Bộ Công Thương, các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp, các địa phương có ngành cơ khí, điện tử, chế biến chế tạo phát triển, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tư vấn và doanh nghiệp dẫn dắt để tận dụng chuyên gia, thiết bị thử nghiệm, thị trường và kinh nghiệm, phù hợp với điều kiện nguồn lực còn hạn chế của Sơn La.

3. Lồng ghép các chương trình, chính sách

Lồng ghép có hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ với khuyến công, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển khu, cụm công nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực; xác định rõ nguồn kinh phí cho từng nhiệm vụ để tránh chồng chéo.

4. Theo dõi, đánh giá bằng kết quả đầu ra

Theo dõi kết quả theo các chỉ tiêu: số doanh nghiệp được khảo sát; số doanh nghiệp được hỗ trợ; số doanh nghiệp áp dụng thành công công cụ quản trị, chất lượng hoặc giải pháp công nghệ; số hợp đồng/biên bản ghi nhớ cung ứng; số dự án đầu tư được thu hút; số lượt lao động được đào tạo. Định kỳ rà soát để điều chỉnh nhiệm vụ, chỉ tiêu khi điều kiện thị trường và nguồn lực thay đổi.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương - Cơ quan thường trực Chương trình

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Chương trình; hằng năm xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, bố trí theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhu cầu cung - cầu, nhu cầu nhân lực kỹ thuật; lựa chọn doanh nghiệp tham gia các hoạt động hỗ trợ; phối hợp tổ chức kết nối nhà cung ứng, đào tạo, tư vấn và các nhiệm vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Tham mưu, tổ chức thực hiện việc xác nhận ưu đãi, hậu kiểm ưu đãi đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận chính sách công nghiệp hỗ trợ.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

- Tổ chức sơ kết giai đoạn 2026 - 2030 và tổng kết Chương trình vào năm 2035; đề xuất điều chỉnh nội dung, chỉ tiêu khi cần thiết.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí; phối hợp rà soát cơ chế huy động, lồng ghép nguồn lực.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất, sở hữu trí tuệ và chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ; lồng ghép các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan khảo sát nhu cầu, xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật đáp ứng các nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ trọng tâm; tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo gắn với vị trí việc làm, chú trọng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, trang bị kỹ năng công nghệ và kỹ năng số cho người lao động.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp trong việc hướng dẫn thủ tục đất đai, môi trường thuộc thẩm quyền; cung cấp thông tin về nhu cầu vật tư, bao bì, thiết bị phục vụ chế biến nông - lâm sản và các vùng nguyên liệu; phối hợp thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp hướng dẫn các nội dung về xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và kết nối giao thông đối với dự án công nghiệp hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; phối hợp tháo gỡ khó khăn về hạ tầng cho các khu vực sản xuất công nghiệp.

7. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Phối hợp xúc tiến, thu hút dự án công nghiệp hỗ trợ vào Khu công nghiệp Mai Sơn và các khu công nghiệp theo quy hoạch; cung cấp thông tin về quỹ đất, hạ tầng, nhu cầu đầu tư và hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện thủ tục thuộc thẩm quyền.

8. Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La

Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức xúc tiến đầu tư, kết nối cung - cầu, quảng bá năng lực doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm, chương trình kết nối nhà cung ứng trong và ngoài tỉnh; ưu tiên các hoạt động có khách hàng, yêu cầu kỹ thuật hoặc cơ hội đầu tư cụ thể.

9. UBND các xã, phường

- Phối hợp rà soát doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn; cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối doanh nghiệp.

- Hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục thuộc thẩm quyền; phối hợp giải quyết các vấn đề về đất đai, mặt bằng, hạ tầng và lao động theo quy định.

- Phối hợp tuyên truyền chính sách và theo dõi tình hình triển khai dự án công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

10. Doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia Chương trình

- Chủ động xác định nhu cầu, xây dựng phương án nâng cao năng lực; bố trí kinh phí đối ứng và nhân lực tham gia hoạt động hỗ trợ; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, thông tin cung cấp.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, lao động, an toàn và các quy định pháp luật có liên quan; duy trì, phát huy kết quả sau khi được hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và quy định về xác nhận, hậu kiểm ưu đãi công nghiệp hỗ trợ.

Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương và UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có thay đổi lớn về thị trường, cơ chế chính sách, các sở, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh Chương trình cho phù hợp./.